

Số: 100/2024/QĐST-VHNGĐ

Phú Mỹ, ngày 26 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 195/2024/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

Ông **Lê Hữu K**, sinh năm 1983

Địa chỉ: **Tổ C, thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** đã đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83, quyển số 01 ngày 30/5/2008.

Ông, bà xác định vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và không tìm thấy tiếng nói chung giữa hai vợ chồng. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà **N**, ông **K** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu **Lê Hữu T**, sinh ngày 21/7/2004. Con chung đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** xác nhận có 01 con chung là **Lê Hữu T**, sinh ngày 21/7/2004. Con chung đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Bà **Vũ Thị N** và ông **Lê Hữu K** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0003319 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Hải Hà (GCNKH số 83, quyền số 01 ngày 30/5/2008);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Trần Thị Nhung**